

Bản án số: 54/2021/DS-ST

Ngày: 08/11/2021.

“V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Thành Đô

2. Bà Lê Thị Thận.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65A/2021/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông H, sinh năm 1979 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh P.

2. *Bị đơn:* Ông T, sinh năm 1980. (Vắng mặt).

HKTT: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh P.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà M, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh P.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông H trình bày:***

Do quen biết nên ngày 12/7/2018, vợ chồng ông có cho ông T vay số tiền 372.000.000đồng, ông T vay để thu mua nông sản; Hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, nếu ông T không trả được thì vợ chồng ông có quyền lấy 01 thửa đất cùng tài sản trên đất là căn nhà cấp IV tại thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh P; hai bên có làm giấy mượn tiền viết tay, ông đứng tên người cho vay, ông T là người vay. Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ nhưng ông T không trả được khoản tiền gốc và lãi nào như đã thỏa thuận. Vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền đã vay nhưng ông T

không trả và cũng không bàn giao đất và nhà ở cho vợ chồng ông mà chuyển nhượng hết cho người khác. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông T trả cho vợ chồng ông số tiền đã vay là 372.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M trình bày:* Bà xác nhận nội dung khởi kiện của ông H là đúng và trình bày bổ sung, khoản tiền vợ chồng bà cho ông T vay là tài sản chung của vợ chồng bà và ông H, nhưng giấy mượn tiền chỉ mình ông H đứng tên. Nay thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho vợ chồng bà số tiền 372.000.000 đồng đã vay.

*Bị đơn ông T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không gửi ý kiến cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của ông H bà M.*

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Đăng phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 372.000.000đ; Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:*

[1] Căn cứ giấy mượn tiền ngày 12/7/2018 và lời khai của vợ chồng ông H bà M thể hiện vợ chồng ông H bà M có quen biết ông T; Ngày 12/7/2018 ông H bà M có cho ông T vay số tiền 372.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 12/6/2019.

Tuy nhiên, sau khi vay ông T không trả tiền theo thỏa thuận mà bán tài sản rồi bỏ đi khỏi địa phương không thông báo với chính quyền địa phương cũng như vợ chồng ông H bà M biết. Việc ông T chưa thực hiện nghĩa vụ với ông H, bà M nhưng bán tài sản, bỏ đi khỏi địa phương không trả nợ, không thông báo cho ông H, bà M biết là vi phạm nghĩa vụ dân sự và cố tình dấu địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhiều lần; đồng thời đăng trên cổng thông tin của Báo thanh niên, Đài truyền hình Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và Cổng thông tin Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nhưng ông T không liên hệ với Tòa án giải quyết vụ án, nên coi như ông T tự từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ ý kiến yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông H bà M. Vì vậy, nội dung khởi kiện của ông H cũng như yêu cầu của bà M yêu cầu ông T phải trả số tiền nợ 372.000.000đ là có cơ sở, nên được chấp nhận.

Về tiền lãi : Theo ông H bà M trình bày khi vay có thỏa thuận miệng tiền lãi là 1%/tháng, không ghi trong giấy mượn tiền. Tuy nhiên, nay ông H bà M không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2] Về chi phí tố tụng: Đối với khoản tiền 3.636.000 đồng chi phí thông báo tìm kiếm ông T trên phương tiện thông tin đại chúng do ông H yêu cầu nên ông H bà M phải chịu.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông H bà M được chấp nhận nên ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 372.000.000 đồng x 5% = 18.600.000đ đồng.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của vợ chồng ông H bà M đối với ông T;

Buộc ông T phải trả cho vợ chồng ông H bà M số tiền 372.000.000đ (ba trăm, bảy mươi hai triệu đồng).

2. Về án phí : Buộc ông T phải nộp 18.600.000đ án phí dân sự sơ thẩm; Ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.300.000đ theo biên lai thu tiền số 016210 ngày 05/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bù khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã kí)

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**NGUYỄN VĂN HUỆ**